**Mẫu số: 01ĐKTĐ/HĐĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**TỜ KHAI**

**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử**

□ Đăng ký mới

□ Thay đổi thông tin

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên người nộp thuế: | | | | ……………………………………………………………………………….. | | | | | | | | | | |
| Mã số thuế: | | | | ……………………………………………………………………………….. | | | | | | | | | | |
| Cơ quan thuế quản lý: | | | | ……………………………………………………………………………….. | | | | | | | | | | |
| Người liên hệ: | | | | ……………………………. | | | | | | Điện thoại liên hệ: …………………….. | | | | |
| Địa chỉ liên hệ: | | | | ……………………………. | | | | | | Thư điện tử: ………………………….. | | | | |
| Theo Nghị định số …../2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau: | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Hình thức hóa đơn:** | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Có mã của cơ quan thuế  □ Không có mã của cơ quan thuế | | | | | | | | | | | | | | |
| **2. Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:** | | | | | | | | | | | | | | |
| a. □ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã không phải trả tiền dịch vụ theo khoản 1 Điều 14 của Nghị định: | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.  □ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao. | | | | | | | | | | | | | | |
| b. □ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế: | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp đến cơ quan thuế (điểm b1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định).  □ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (điểm b2, khoản 3, Điều 22 của Nghị định). | | | | | | | | | | | | | | |
| **3. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:** | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn.  □ Chuyển theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử (điểm a1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định). | | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Loại hóa đơn sử dụng:** | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Hóa đơn GTGT  □ Hóa đơn bán hàng  □ Hóa đơn bán tài sản công  □ Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia  □ Các loại hóa đơn khác  □ Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn. | | | | | | | | | | | | | | |
| **5. Danh sách chứng thư số sử dụng:** | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử** | | | | **Số sê-ri chứng thư** | | **Thời hạn sử dụng chứng thư số** | | | | | | **Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)** |
| **Từ ngày** | | | **Đến ngày** | | |
|  | |  | | | |  | |  | | |  | | |  |
|  | |  | | | |  | |  | | |  | | |  |
|  | |  | | | |  | |  | | |  | | |  |
| **6. Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn** | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên loại hóa đơn ủy nhiệm** | | **Ký hiệu mẫu hóa đơn** | | **Ký hiệu hóa đơn ủy nhiệm** | | **Tên tổ chức được ủy nhiệm** | | **Mục đích ủy nhiệm** | | | **Thời hạn ủy nhiệm** | **Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm** | |
| 1 | 2 | | 3 | | 4 | | 5 | | 6 | | | 7 | 8 | |
|  |  | |  | |  | |  | |  | | |  |  | |

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày … tháng … năm….* **NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 04/SS-HĐĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**THÔNG BÁO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ SAI SÓT**

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế: …………………………………………………………………………

Mã số thuế: …………………………………………………………………………

Người nộp thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử có sai sót như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã CQT cấp** | **Ký hiệu mẫu hóa đơn và ký hiệu hóa đơn** | **Số hóa đơn điện tử** | **Ngày lập hóa đơn** | **Loại áp dụng hóa đơn điện tử** | **Hủy/Điều chỉnh/ Thay thế/ Giải trình** | **Lý do** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Ghi chú:*** (2): Mã CQT cấp đối với hóa đơn có mã của CQT, hóa đơn không có mã của CQT để trống. | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày … tháng …. năm.....* **NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số của người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 06/ĐN-PSĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

(Theo từng lần phát sinh)

Kính gửi: ………………..……………..

**I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN THEO TỪNG LẦN PHÁT SINH**

1. Tên tổ chức, cá nhân: ......................................................................................

2. Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử: ………………….. Điện thoại liên hệ: ……………………………….

3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):

Cấp ngày: ………………………………. Cơ quan cấp: ……………………………………

4. Mã số thuế (nếu có): ………………………………………………………………………

5. Tên người nhận hóa đơn (Trường hợp là cá nhân thì tên người nhận hóa đơn là cá nhân đề nghị cấp hóa đơn): ………………………………………………….

6. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu người đi nhận hóa đơn

Ngày cấp: …………………………………… Nơi cấp: …………………………………......

**II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ**

1. Tên hàng hóa, dịch vụ: …………………………………………………………………..

2. Tên người mua hàng hóa, dịch vụ: …………………………………………………….

3. Địa chỉ người mua hàng hóa, dịch vụ: …………………………………………………….

4. Mã số thuế người mua hàng hóa, dịch vụ: …………………………………………………….

5. Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ (nếu có): ………………………………………

6. Doanh thu phát sinh: ……………………………………………………………

**Chúng tôi xin cam kết:**

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.

- Quản lý hóa đơn do cơ quan Thuế phát hành đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………, ngày … tháng … năm……* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 01/TH-HĐĐT**

**BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ**

*[01] Kỳ dữ liệu: Tháng….. năm…… hoặc quý….. năm……*

*[02] Lần đầu [ ] [03] Bổ sung lần thứ [ ] [04] Sửa đổi lần thứ [ ]*

*[05]* Tên người nộp thuế: ……………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *[06]* Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Số: ……………..

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn** | **Số hóa đơn** | **Ngày tháng năm lập hóa đơn** | **Tên người mua** | **Mã số thuế người mua/mã khách hàng** | **Mặt hàng** | **Số lượng hàng hóa** | **Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT** | **Thuế suất thuế GTGT** | **Tổng số thuế GTGT** | **Tổng tiền thanh toán** | **Trạng thái** | **Thông tin hóa đơn liên quan** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
|  | X | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn A |  |  |  |  |  |  | 100 | Mới |  |  |
|  | W | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn D |  |  |  |  |  |  | 10 | Mới |  |  |
|  | Z | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn C |  |  |  |  |  |  | 30 | Sủa thông tin trên bảng kê (Không phải hủy hóa đơn hoặc sai sót do tổng hợp dữ liệu từ hóa đơn lên bảng tổng hợp bị sai) | Z1 |  |
|  | A | 1 | 1/1/12020 | Nguyễn B |  |  |  |  |  |  | 20 | Hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã bị hủy | Y1 |  |

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày ….. tháng …. năm…..* **NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số của người nộp thuế)* |

***Ghi chú:***

- Trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định thì bỏ trống các chỉ tiêu không có trên hóa đơn.

- [03] Bổ sung Mẫu bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn trường hợp dữ liệu tổng hợp thiếu cần bổ sung.

- [04] Sửa đổi lần thứ [ ] trường hợp mẫu bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn đã gửi có sai sót.

- Chỉ tiêu (6): người bán điền mã số thuế đối với người mua là tổ chức kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mã số thuế, trường hợp là cá nhân tiêu dùng cuối cùng không có mã số thuế thì để trống; mã khách hàng đối với trường hợp bán điện, nước cho khách hàng không có mã số thuế.

**Mẫu số 03/DL-HĐĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**TỜ KHAI**

**DỮ LIỆU HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA**

[01] Kỳ tính thuế: tháng………….. năm…………. hoặc quý………….. năm……………….

[02] Tên người nộp thuế: …………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| [03] Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| [05] Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hóa đơn, chứng từ bán ra** | | **Tên người mua** | **Mã số thuế người mua** | **Doanh thu chưa có thuế GTGT** | **Thuế GTGT** | **Ghi chú** |
| **Số hóa đơn** | **Ngày, tháng, năm lập hóa đơn** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT): | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | | | | |  |  |  |
| 2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%: | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | | | | |  |  |  |
| 3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%: | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | | | | |  |  |  |
| 4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%: | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | | | | |  |  |  |

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (\*): ……………………..

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (\*\*): ……………………..

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày …. tháng ….. năm……* **NGƯỜI NỘP THUẾ** **hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

***Ghi chú:***

(\*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

(\*\*) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.